

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ –TỈNH KON TUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông NBB.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Trọng và ông A Ku.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Bà Y Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2021, về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXX-HNGĐ ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTL, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã KĐ, huyện ĐT, tỉnh KT. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh PVT, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký NKTT: Xã CM, huyện CX, tỉnh HT.

Nơi tạm trú: Thôn B, xã KĐ, huyện ĐT, tỉnh KT. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị NTL trình bày:

Chị (NTL) và anh PVT kết hôn ngày 26/8/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kon Đào. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do không tôn trọng nhau, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người ấy sống, đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Chị đã nộp đơn xin ly hôn một lần vào tháng 01 năm 2020, được Tòa án hòa giải nên chị rút đơn khởi kiện nhưng từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. **Chị L** không còn tình cảm với **anh T**, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: PNTN, sinh ngày 31/10/2013 và PNTD, sinh ngày

28/01/2016. Các con đang ở với chị **Lệ**, chị xin nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, **anh PVT** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc xin ly hôn. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho **chị NTL** được ly hôn **anh PVT**. Giao cho **Chị L** trực tiếp nuôi con PNTN và PNTD.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn, **anh PVT** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: **Chị NTL** và **anh PVT** kết hôn ngày 26/8/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kon Đào, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng nhau, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người ấy sống, đã sống **ly thân**. **Chị L** đã nộp đơn xin ly hôn vào tháng 01 năm 2020, được Tòa án hòa giải nên chị rút đơn khởi kiện nhưng từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. **Chị L** không còn tình cảm với **anh T**. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng **Chị L** và **anh T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị **NTL** được ly hôn **anh PVT** theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: **Chị NTL** nhận nuôi con **PNTN** và **PNTD**. Xem xét nguyện vọng của **Chị L** và các cháu nên giao cháu **N** và cháu **D** cho **Chị L** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. **Chị L** có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu **anh T** cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: **Chị L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

**Về hôn nhân:** Xử cho chị **NTL** ly hôn anh **PVT**.

**Về con chung:** Giao cho chị **NTL** trực tiếp nuôi con **PNTN**, sinh ngày 31/10/2013 và **PNTD**, sinh ngày 28/01/2016 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh **PVT** không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị **NTL** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số **0003871** ngày **03/3/2021** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Chị **NTL** đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu bản án; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Bình**